



GIỚI THIỆU

**PHẦN MỀM KẾ TOÁN CHO DOANH
NGHIỆP KINH DOANH VÉ MÁY BAY**

SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS

Chuyên ngành vé máy bay

CÔNG TY CỔ PHẦN S.I.S VIỆT NAM



MỤC LỤC

PHẦN 01.....	4
Hạch toán & Quản lý đặc thù của ngành	4
trên phần mềm SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS.....	4
I. DANH MỤC & ĐẦU VÀO TRÊN PHẦN MỀM	4
II. HỆ THỐNG BÁO CÁO QUẢN TRỊ ĐẶC THÙ DU LỊCH	8
1. Quản lý công nợ:.....	8
2. Quản lý doanh thu Code-Đoàn-Điều hành... :.....	10
3. Quản lý lãi/lỗ:.....	11
4. Quản lý Tour Hợp đồng:.....	12
PHẦN 02.....	14
Kế toán quản trị.....	14
trên phần mềm SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS.....	14
I. KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	14
II. PHÂN HỆ BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU	14
III. PHÂN HỆ MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ	15
IV. QUẢN LÝ KHO, HÀNG HOÁ VẬT TƯ	16
V. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH & CÔNG CỤ DỤNG CỤ	17
VI. KẾ TOÁN CHI PHÍ & GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	17
VII. PHÂN HỆ BÁO CÁO THUẾ.....	18
VIII. PHÂN HỆ KẾ TOÁN TỔNG HỢP & BÁO CÁO TÀI CHÍNH	19
IX. QUẢN TRỊ HỆ THỐNG	19
PHẦN 03.....	21
PHƯƠNG PHÁP & QUY TRÌNH	21
DỊCH VỤ BẢO HÀNH SẢN PHẨM	21
SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS.....	21
1. Nội dung thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm	21
2. Quy trình thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm	23
3. Phương thức thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm.....	25
4. Thời gian thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm	25
5. Quy định trách nhiệm thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm.....	25
6. Thông tin thực hiện dịch vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm	26
7. Nâng cấp sản phẩm.....	27
PHẦN 04.....	Error! Bookmark not defined.
LIÊN HỆ CÔNG TY CP S.I.S VIỆT NAM	Error! Bookmark not defined.

ALL FOR CUSTOMER!



GIẢI PHÁP

PHẦN MỀM KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHUYÊN NGÀNH

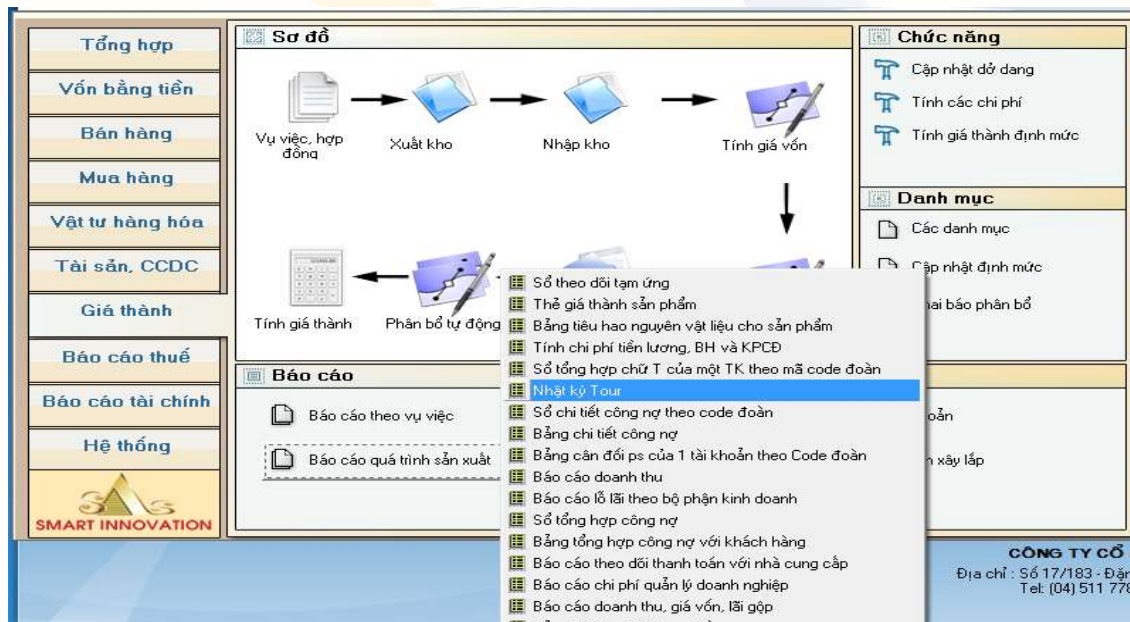
Kinh doanh vé máy bay

Sau khi triển khai thành công tại một loạt các DN hoạt động trong lĩnh vực Vé máy bay, SIS Việt Nam đã phát triển và hoàn chỉnh giải pháp phần mềm quản trị **SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS**.

SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS là phần mềm kế toán đáp ứng yêu cầu hạch toán kế toán quản trị nội bộ, kế toán thuế theo quy định của BTC và đáp ứng công việc hạch toán, quản lý đặc thù của doanh nghiệp kinh doanh Vé máy bay.

SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS chuyên nghiệp trong quản lý đặc thù của ngành Vé máy bay như: ...

... Phần mềm đáp ứng yêu cầu hạch toán kế toán với các Mô-đun: Tổng hợp, Bán hàng & công nợ phải thu, Mua hàng và công nợ phải trả, Quản lý kho, Quản lý chi phí – giá thành, Quản lý TSCĐ-CCDC, Quản lý thu – chi, Quản lý hệ thống, Kế toán thuế và BCTC... Phần mềm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin quản lý, điều hành liên quan trong doanh nghiệp.



PHẦN 01**Hạch toán & Quản lý đặc thù của ngành
trên phần mềm SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS****I. DANH MỤC & ĐẦU VÀO TRÊN PHẦN MỀM****DANH MỤC BỘ PHẬN**

Mã vụ việc	Tên vụ việc	Ngày vụ việc 1	Ngày vụ việc 2
IB	Inbound	//	//
ND	Nội địa	//	//
OB	Outbound	//	//
OP	Open	//	//

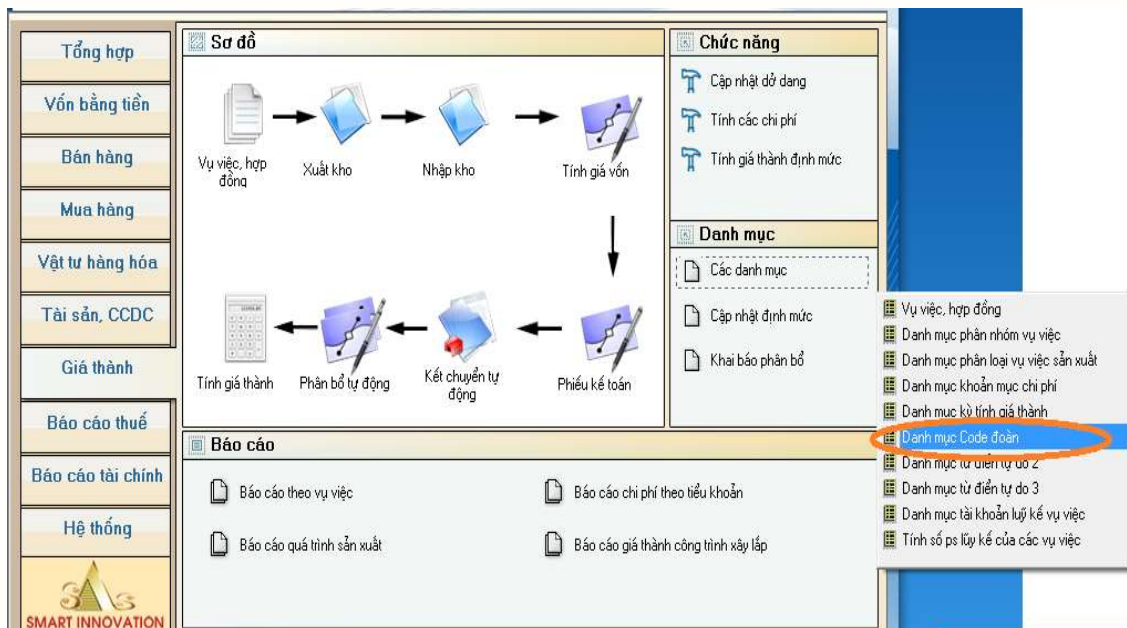
Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

DANH MỤC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Mã BP	Tên BP
BV001	Nguyễn
BV002	Nguyễn
BV003	Nguyễn
BV004	Nguyễn
HC001	Nguyễn
HC002	Lê Hữu
HC003	Vũ Bích
HDV001	Đỗ Thanh
HDV002	Ngô Anh





Danh mục Code đoàn. F3-Sua, F4-Them, F8-Xoa, F6-Đoi ma, Ctrl+F6-Phan nhom, F10-Sap xep, F5-Tim theo ten, ^F/G-Tim, Esc-Quay ra

Code đoàn	Tên đoàn	Người đh	Bộ phận	Mã kh	Quốc tịch	Đt tt	So_hđ	Ngày_hđ	Ngày_ql	Date
18LVC	Open 18LVC	DP3	DP	NV028			0.00	/ /	/ /	24/12/2
234NKKN								/ /	/ /	21/04/2
27LTK								/ /	/ /	22/04/2
34010308										
3HTRONG										
48LNG										
58ATRIEU										
70TND										
79BATRIEU										
81NH										
33HHA										
AE061106										
AE26641										
AE26643										
AE59										
AE89324										
AE89326										
AE89329										
AE89505										
AE91989										
AE92027										
AG121006										
AICAP260408										
ANH050708										
ANTRUA										
AUS161207										
AUSDP07										
AUSKS290106										
BHYT										
BKK090308										
BRD79NUN678										

Thêm mã tự do

Code đoàn:
 Tên đoàn:
 Tên đoàn 2:
 Người điều hành: Bộ phận:
 Mã khách: Quốc tịch:
 Số hợp đồng: Ngày hợp đồng: Ngày quyết toán: DT tạm tính:

Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú	Ngày tạo	Giữ tạo	Người tạo	Ngày
Số lượng khách hàng	0.000		/ /			/ /
			/ /			/ /

Trạng thái: 1 - Có, 0 - Không sử dụng

Nhấn



Hoa đơn dịch vụ

Mã đơn vị	DL	Code đoàn	NGA160708	Số hóa đơn	0033319
Mã hạch toán		MST		Số seri	GG/20088
Mã khách	KH0004	Loại khách hàng	Tourist TCTY	Ngày lập ctừ	31/07/2008
Địa chỉ	Hai Bà Trưng Hà Nội	Số dư	1 564 303 813	Ngày hạch toán	31/07/2008
Người mua		Số ctừ	279	Tỷ giá	VND 1.00
Người ĐH	OB003	Tk nợ	13121		
Số đơn hàng		Nhóm hàng			

Tk dt	Tên tài khoản	Mã vv	Tiền VND	Mã thuế	Thuế suất	Tk l
5116222	Doanh thu Du lịch Trung tâm du lịch Ont bound o	OB	91 362 500	KT	0,00	33

Tiền hàng: 91 362 500

Tk đư với tk thuế: 13121

Tk ck:

Trạng thái: 1 - Đã, 2 - Chưa

Tổng TT: 91 362 500

Sửa HT thuế

Sửa tiền thuế

Nhập tiền ck

Hạn TT: 0

Lưu Mới In ctừ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

ABC Doanh thu Du lịch Trung tâm du lịch Ont bour DIEPNX-PC # diepnx 22/02/2017

Thu tiền mặt

Mã đơn vị	DL	Code đoàn		Số pt	117/7
Mã giao dịch	2	MST		Ngày lập ctừ	31/07/0808
Mã hạch toán		Mã khách	NV016	Ngày hạch toán	31/07/2008
Mã khách		Loại khách hàng	Vũ Anh Tuấn	Tỷ giá	VND 1.00
Địa chỉ	OB	Số dư	0	Tk nợ	111121
Người nộp tiền	Vũ Anh Tuấn	MST			
Người ĐH	OB0011	Mã kế ước			

Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Vụ việc	Mã tự do
13121	Phải thu của khách hàng TT D	5 505 025	Dthu	OB	THAI1

Tiền hh, dv: 5 505 025

Số HĐ:

Trạng thái: 1 - Đã, 2 - Chưa

Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Lưu Mới In ctừ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

ABC DIEPNX-PC # diepnx 22/02/2017



Chi tiết mặt

Mã đơn vị: DL Số pc: 109/7
 Mã giao dịch: 3 Ngày lập tờ: 31/07/2008
 Mã hạch toán: Code đoàn: **HĐ57** Ngày hạch toán: 31/07/2008
 Mã khách: NV007 Tỷ giá: VND 1,00
 Địa chỉ: Nội Địa Số: 0 Tk có: 111121
 Người nhận tiền: Nguyễn Văn Thự Mã ST:
 Người ĐH: **ND003** Nguyễn Văn Thự Mã khế ước:
Click vào: cho nhiều khách
Nguyễn Văn Thự

Tên khách	Ps	g VND	Diễn giải	Vụ việc	Thuế suất	HĐ	Thuế	Số hđ	Số seri	Ngày HĐ	TT VND	khoản
Tổng công ty	50	177,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	5,00	3	8,00	017203	AA	15/07/2008	5 860 000,00	
Tổng công ty	120	000,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	0,00	3	0,00	017203	AA	15/07/2008	120 000,00	
CTYTNNH V	309	524,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	5,00	3	6,00	0132308	BS	23/04/2008	25 000 000,00	
CTY TNHH	1304	762,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	5,00	3	8,00	0065128	EN/2008	30/06/2008	2 000 000,00	
CTYTNNH H	809	523,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	5,00	3	7,00	0040475	YG	28/04/2008	4 000 000,00	
DNTN khách	300	000,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	10,00	3	0,00	0117392	YU	24/04/2008	7 480 000,00	
DNTN khách	768	182,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	10,00	3	8,00	0193329	BM	25/04/2008	845 000,00	
CTYTNNH T	481	818,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	10,00	3	2,00	0007861	BP	25/04/2008	2 400 000,00	
Khách sạn Q	309	545,00	Thịnh HĐ57 Chi phí	ND	10,00	3	5,00	0197114	BN	25/04/2008	3 640 500,00	

Tiền hh, dv: 87 372 351
 Tk thuế: 13321 Tiền thuế: 5 185 649
 Tổng TT: 92 558 000

Trạng thái: 1 1 - Đã, 2 - Chưa Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Lưu Mới In tờ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

ABC Giá vốn hàng bán trung tâm du lịch Nội Địa DIEPNX-PC # diepnx 22/02/2017

Thu/Chi qua Ngân hàng mẫu tương tự như trên



II. HỆ THỐNG BÁO CÁO QUẢN TRỊ ĐẶC THÙ DU LỊCH

1. Quản lý công nợ:

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ THEO CODE ĐOÀN

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng
 Khách hàng:
 Mã code đoàn CAD
 Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 22/02/2017

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS nợ	PS có
Ngày ctừ	Số ctừ				
/ /					

Tổng phát sinh nợ: 0

Tổng phát sinh có: 0

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày tháng năm

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

SỔ THEO DÕI TẠM ỨNG

Tài khoản: 141 - Tạm ứng
 Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 22/02/2017

Stt	Diễn giải	Code Đoàn	Mã Chứng Từ	Tài khoản đối ứng		Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số d cuối
				Nợ	Có		PS nợ	PS có	
	Tổng								

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)



BẢNG CHI TIẾT CÔNG NỢ

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 22/02/2017

Tên người điều hành: Bộ phận:

Doanh thu tạm tính	Code đoàn	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Dư nợ đầu kỳ	Dư có đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ
1		()						
Tổng cộng:			0	0	0	0	0	0

 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ VỚI KHÁCH HÀNG

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Doanh thu tạm tính	Code đoàn	Tên khách hàng	Tên điều hành	Bộ phận	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
					Dư nợ đầu kỳ	Dư có đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ
		0								
Tổng cộng:					0	0	0	0	0	0

 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)

BÁO CÁO THEO DÕI THANH TOÁN VỚI NHÀ CUNG CẤP

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Nhà cung cấp	Mã code	Số HĐ	Ngày HĐ	Tiền hàng	VAT	Tổng thanh toán	Đã thanh toán	Còn phải thanh toán	Số chứng từ
			/ /						

Ngày ... tháng năm

 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)



2. Quản lý doanh thu Code-Đoàn-Điều hành... :

Màn hình lọc doanh thu:

Bao cao doanh thu

Từ ngày: 01/01/2012
 Đến ngày: 22/02/2017
 Hoá đơn từ số:
 Đến số:
 Tài khoản công nợ:
 Khách hàng:
 Người điều hành:
 In các HD đã tắt toán: 0- Không in, 1- Có in
 Bộ phận:
 Code đoàn:
 Mã đơn vị: DL
 Mẫu báo cáo: VND Ngoại tệ

F4-Tra cứu



CÔNG TY CỔ PHẦN S.I.S VIỆT NAM
 Địa chỉ : Số 17/183 - Đặng Th
 Tel: (04) 511 7785

BÁO CÁO DOANH THU

Từ ngày: 01.01.2012 đến ngày: 22.02.2017

Stt	Tên khách hàng	Số HD	Ngày H	Mã code	Doanh thu tạm tính	Doanh thu hoá đơn	Số tiền đã thu	Chứng từ	Giá vốn	Người điều hành
			//							

Ngày... tháng... năm ...
 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)



3. Quản lý lãi/lỗ:

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LỖ LÃI THEO BỘ PHẬN KINH DOANH

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 22/02/2017

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Tong_dt	Tong_cp	Lai_gop			
1. Tổng doanh thu thuần	11						
2. Giá vốn hàng bán	12						
3. Chi phí quản lý	13						
4. Chi phí tài chính	14						
5. Lợi nhuận thuần (20=11-12-13-14)	20						
6. Lãi khác	21						
7. Lỗ khác	22						
8. Tổng lợi nhuận kế toán (30=20+21-22)	30						
9. Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi	40						
10. Tổng lợi nhuận chịu thuế (50=30+(-)40)	50						
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60						

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO DOANH THU, GIÁ VỐN, LÃI GỘP

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Tên người điều hành:

Tên bộ phận:

Stt	Tên khách hàng	Code đoàn	Số lượng khách	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
0	0					

 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)


4. Quản lý Tour | Hợp đồng:

NHẬT KÝ TOUR

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Mã Code : 18LVC

Người điều hành: OP3-Phạm Thuý Quỳnh Bộ phận : OP-Open

Tên khách hàng: Chi khác

Số hợp đồng : Ngày Hợp đồng: / /

Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
Số lượng khách hàng	70,00	
Người lớn	40,00	Việt Nam
Trẻ em	30,00	Trung Quốc
Doanh thu tạm tính		
Doanh thu hoá đơn (1)		
Giá vốn (2)		
Lãi gộp (3) = (1) - (2)		
Đã thu được (4)		
Tiền mặt		
Tiền gửi ngân hàng		
Công nợ phải thu		
Tạm ứng		
Phải thu của khách hàng (5)		
Tỷ lệ thu hồi trên doanh thu (6) = (4): (1)		%

Ngàythángnăm

Ngàythángnăm

BẢNG KÊ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Stt	Tên khách hàng	Người điều hành	Số HD	Số lượng Khách	Quốc tịch	Code đoàn	Giá trị HD	Giá trị HD đã thực hiện	Ngày quyết toán
1	Trần	Trần	1108		Thái Lan	NT290208	50 000 000,00	5 760 000,00	01/12/2008
2	Trần	Trần				NT290208		14 443 636,00	//
3	Nguy	Nguy			Indonesia	TU080326	5 846 000,00	5 314 545,00	//
4	Nguy	Nguy			TQ	TU080325	21 537 800,00	21 393 698,00	//
5	Nguy	Nguy			Canada	TU080211	43 012 400,00	39 102 177,00	//
6	Nguy	Nguy			Canada	TU080228	41 334 800,00	38 741 357,00	//
7	Vũ Á	Vũ Á			VN	BFSIN300308		3 231 327,00	//
8	Trần	Trần			Mỹ	QT260308		48 818 499,00	//
9	Trần	Trần			Pháp	Q280408		44 286 364,00	//



BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH THEO CODE ĐOÀN

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Dư đầu kỳ:

Mã Code	Tên Code Đoàn	Tài khoản	Dư đầu kỳ		Số phát sinh		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Tổng cộng:			0	0	0	0	0	0

 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)

SỔ TỔNG HỢP CHỮT CỦA MỘT TK THEO MÃ CODE ĐOÀN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Số dư đầu kỳ: 0

TK đ/ư	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có

Tổng phát sinh nợ: 0
Tổng phát sinh có: 0
Số dư cuối kỳ: 0

Ngày ... tháng ... năm ...

 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)

BÁO CÁO HÓA ĐƠN ĐÃ XUẤT CHO CODE ĐOÀN

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 23/02/2017

Ngày HĐ	Số Seri	Hóa đơn đã xuất cho Mã đoàn	Tên khách hàng	Thành tiền	Tiền thuế	Tổng cộng
/ /			Tổng cộng			
/ /						

Ngày ... tháng ... năm ...

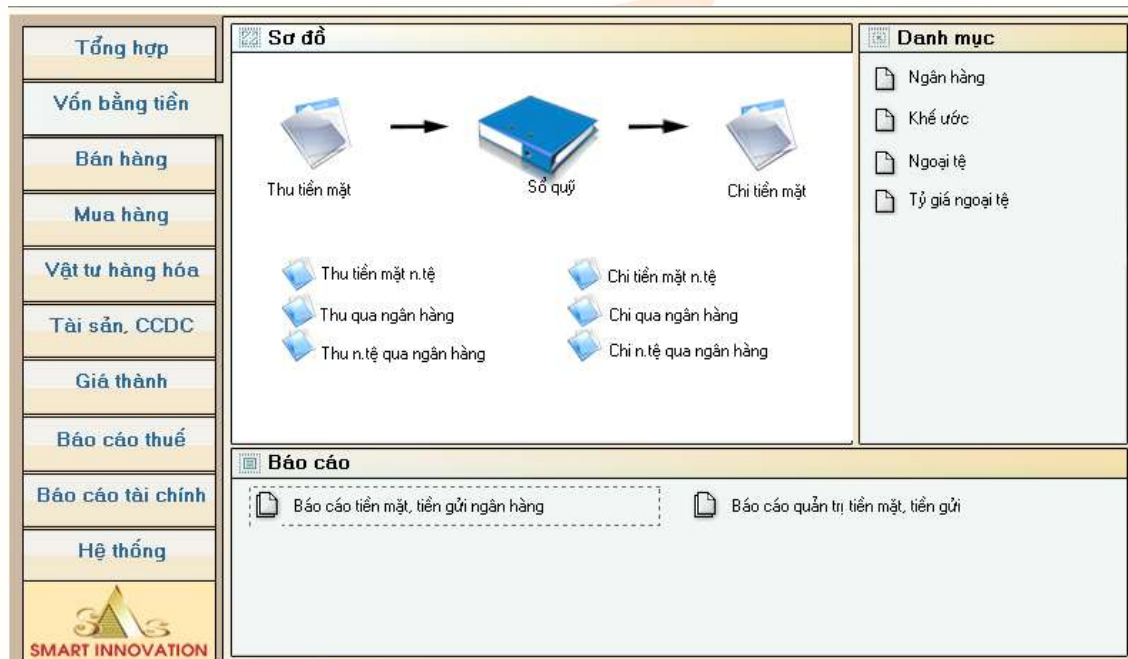
 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)


PHẦN 02

Kế toán quản trị trên phần mềm SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS

I. KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

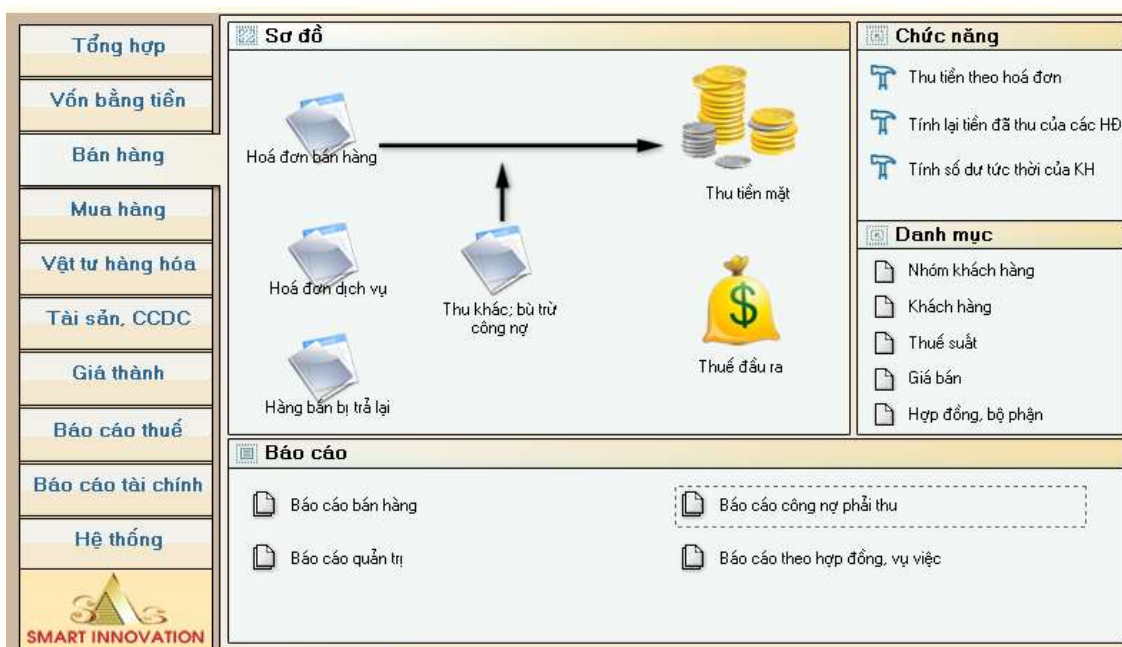
Quản lý, lưu trữ chứng từ tiền mặt, ngân hàng. Truy xuất ngân quỹ tức thời ; quản lý dòng tiền ; quản lý thu - chi, hạch toán và theo dõi ngoại tệ, tự động hạch toán chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; in toàn bộ chứng từ tiền mặt và chứng từ ngân hàng bằng máy; theo dõi thanh toán theo từng hoá đơn, hợp đồng; tính toán và theo dõi lãi vay; hạch toán, ghi nhận toàn bộ các thông tin thuế đầu ra, đầu vào.



II. PHÂN HỆ BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU

Theo dõi, phân tích tình hình bán hàng theo nhiều chỉ tiêu như theo mặt hàng, thị trường, thời gian, hợp đồng, nhân viên bán hàng v.v. Đồng thời theo dõi chi tiết tình trạng công nợ của khách hàng như tuổi nợ, hoá đơn, hợp đồng; khai báo thuế đầu ra.





BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN THEO HẠN THANH TOÁN

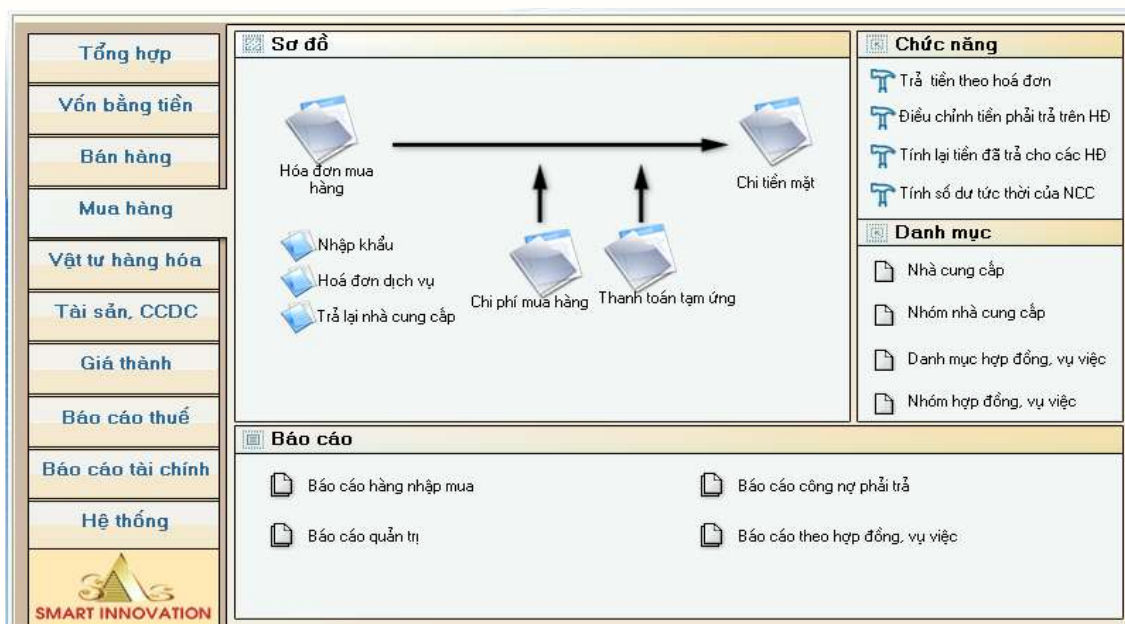
Ngày: 01/01/2011

Chứng từ		Số tiền phải thu	Số tiền đã thu	Còn phải thu	Hạn TT	Trong hạn TT	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31- 60 ngày	Quá hạn 61- 90 ngày
Ngày	Số HĐ								
Anh Hà - AHTN01									
14/11	17	30 264 000		30 264 000				30 264 000	
26/11	37	21 146 000		21 146 000				21 146 000	
29/12	134	34 338 000		34 338 000			34 338 000		
							85 748 000	34 338 000	
Anh Khoa - NMAK01									
21/12	96	15 430 000		15 430 000			15 430 000		
27/12	118	52 074 000		52 074 000			52 074 000		
							67 504 000	67 504 000	
Anh Quang - NMAQ01									
01/12	50	42 951 600		42 951 600				42 951 600	
08/12	62	103 332 000		103 332 000			103 332 000		

III. PHÂN HỆ MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

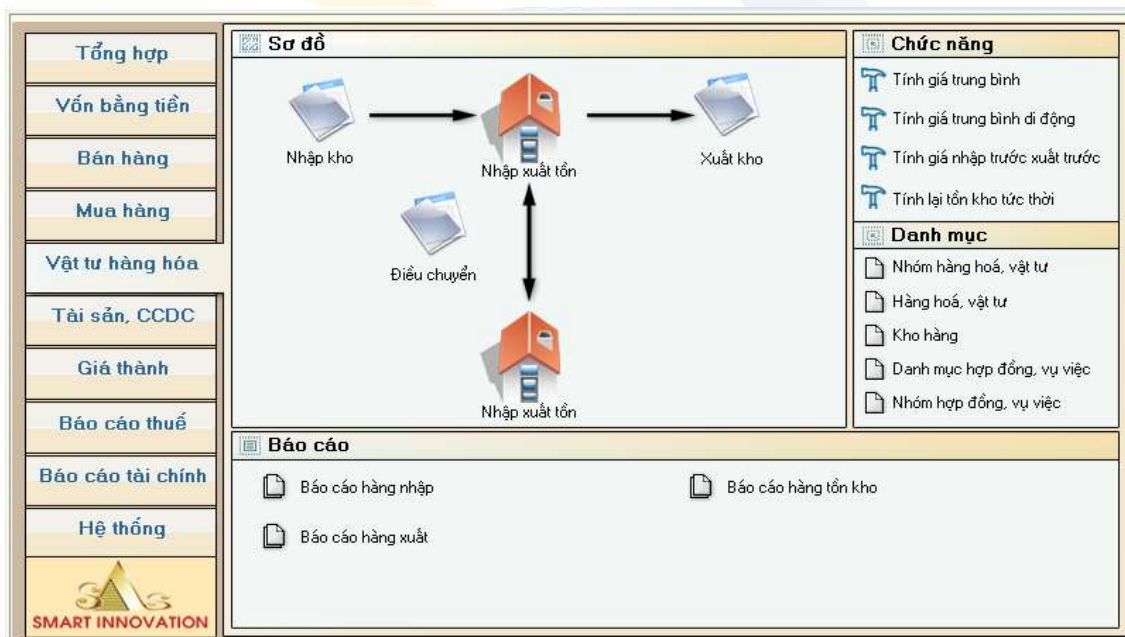
Phân hệ này sẽ theo dõi toàn bộ tình hình nhập mua hàng, phân tích hàng nhập mua theo số lượng và giá vốn. Đồng thời theo dõi tình hình thanh toán công nợ với nhà cung cấp như theo hoá đơn, hợp đồng, hạn thanh toán; theo dõi hàng hoá nhập khẩu, tính và phân bổ tự động chi phí mua hàng, khai báo thuế đầu vào.







IV. QUẢN LÝ KHO, HÀNG HOÁ VẬT TƯ

Theo dõi tình hình xuất – nhập – tồn hàng hóa, vật tư, sản phẩm cả số lượng và vốn. Tự động áp giá vốn hàng xuất kho; các phương pháp tính giá vốn chi tiết đến từng vật tư, hàng hóa: NTXT, TB tháng, TB di động, Đích danh; theo dõi hàng hoá theo nhiều đơn vị tính quy đổi như Thùng – Cái, Kg – Mét v.v; quản lý vỏ vật tư; cho phép xuất âm kho nhằm linh hoạt trong công việc, xuất điều chuyển kho thao tác đơn giản.



V. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH & CÔNG CỤ DỤNG CỤ

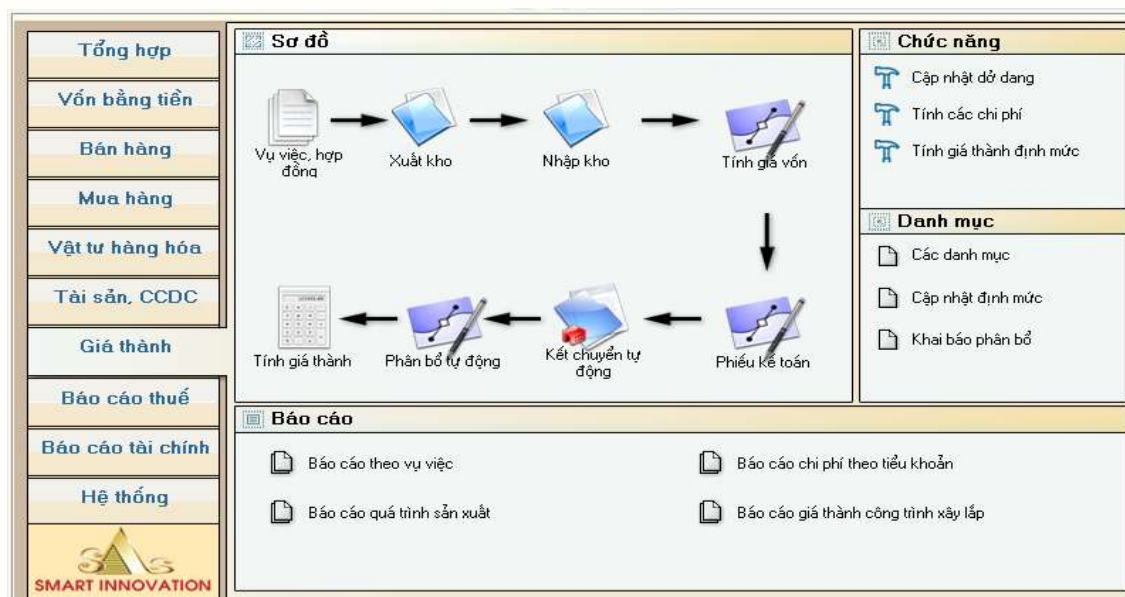
Theo dõi, quản lý chi tiết thông tin về TSCĐ như giá trị, khấu hao, nguồn hình thành, bộ phận sử dụng, theo dõi xuất xứ nguồn gốc tài sản; theo dõi tăng giảm và lý do tăng giảm tài sản cố định; hỗ trợ công tác kiểm kê TSCĐ. Tính toán và phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận sử dụng, theo nguồn hình thành, đồng thời cho phép điều chỉnh khấu hao theo tình hình sản xuất kinh doanh thực tế; lên các bảng khấu hao và phân bổ khấu hao tài sản theo quy định của BTC (QĐ 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 và thông tư số 10/TC/CĐKT ngày 23/03/1997).

Tổng hợp		Danh mục <ul style="list-style-type: none"> Công cụ, dụng cụ Tính phân bổ CCDC Khai báo giảm CCDC Phân bổ CCDC Điều chỉnh CCDC <hr/> <ul style="list-style-type: none"> Nguồn vốn Lý do tăng giảm Bộ phận sử dụng Nhóm tài sản
Vốn bằng tiền		
Bán hàng		
Mua hàng		
Vật tư hàng hóa		
Tài sản. CCDC		
Giá thành		
Báo cáo thuế		
Báo cáo tài chính		
Hệ thống		
		
Báo cáo <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tài sản cố định Báo cáo CCDC 		

VI. KẾ TOÁN CHI PHÍ & GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

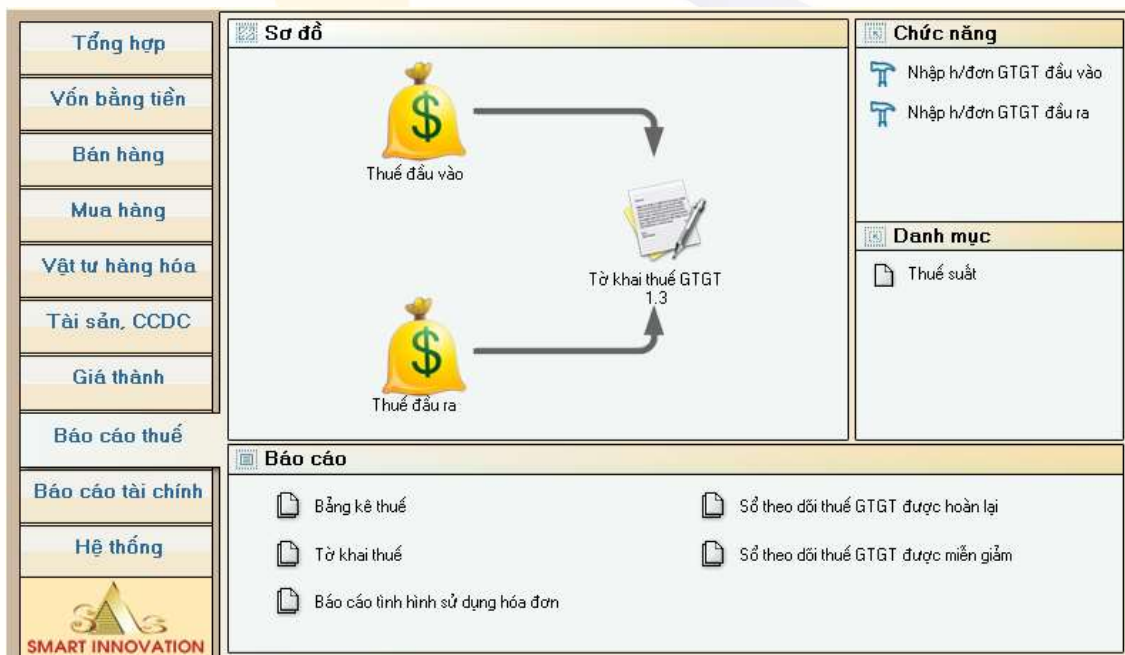
Theo dõi, tập hợp chi phí đến từng sản phẩm, công trình, kể cả các sản phẩm vụ việc là dịch vụ. Phân tích chi phí theo khoản mục, yếu tố. Tính giá thành sản phẩm theo các phương pháp như tập hơn chi phí gián đơn, phân bước, hệ số và định mức. Tập hợp và phân bổ các chi phí sản xuất như nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí máy thi công công trình, chi phí quản lý, chi phí bán hàng – giao dịch. Tiêu thức phân bổ tự động hoặc theo chủ quan của người quản lý rất đa dạng tùy thuộc vào đặc thù của đối tượng được sản xuất và tính giá thành sản phẩm như phân bổ theo hệ số, theo một tiêu thức đã khai báo (chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, doanh số, giá trị hợp đồng v.v).





VII. PHÂN HỆ BÁO CÁO THUẾ

Khai báo thuế đầu vào, đầu ra từ các phân hệ kế toán Mua hàng, Bán hàng và Vốn bằng tiền để lên các báo cáo, bảng kê thuế đầu vào, đầu ra (mẫu 03/GTGT, 04/GTGT, 05/GTGT), tờ khai thuế, các khoản phải nộp ngân sách, các sổ theo dõi thuế được hoàn lại, được miễn giảm, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn v.v. Cập nhật mẫu biểu mới nhất theo Thông tư 60/2007/TT-BTC, Thông tư 32/2007/TT-BTC, Thông tư 127/2004/TT-BTC...





Mẫu số: 01/GTGT
Ban hành kèm theo Thông tư Số 60/2007/TT - BTC ngày 14/6/2007 của Bộ tài chính

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

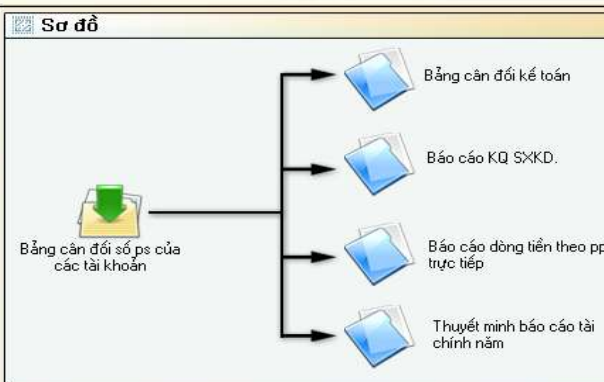

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)
[01] Kỳ tính thuế: tháng 11 năm 2010

[02] NGƯỜI NỘP THUẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN S.I.S VIỆT NAM
[03] Mã số thuế: 0101218690
[04] Địa chỉ trụ sở: Số 17/183 Đặng Tiểu [05] Quận/huyện: Đống Đa [06] Tỉnh/Thành phố: TP Hà Nội
[07] Điện thoại: 04 3511 7785 [08] Fax: [09] E-Mail: Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam 2

STT	Cài Đặt	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[10]	
B	Thuế GTGT của được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[11]
C	Kế khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào			
1	Hàng hóa dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]+[18]+[19]+[20])	[12]	[13]
a	Hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước	[14]	[15]
b	Hàng hoá dịch vụ nhập khẩu	[16]	[17]
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	+ Điều chỉnh tăng	[18]	[19]
b	+ Điều chỉnh giảm	[20]	[21]
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])		[22]
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[23]
II Hàng hóa, dịch vụ bán ra			

VIII. PHÂN HỆ KẾ TOÁN TỔNG HỢP & BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cuối kỳ kế toán, kế toán tổng hợp được thực hiện để thực hiện các điều chỉnh, hạch toán trong kỳ, thực hiện kiểm tra đối chiếu sổ tổng hợp và chi tiết, kết chuyển tự động số dư và phân bổ chi phí. Sau khi kiểm tra và thực hiện các bút toán cuối kỳ chương trình sẽ lên được Báo cáo tài chính đầy đủ và chính xác. Các báo cáo tài chính kế toán được thiết kế theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính. Cung cấp các sổ sách kế toán đầy đủ theo các hình thức sổ: Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ và nhật ký chứng từ. Thường xuyên cập nhật các Thông tư, Quyết định mới nhất của BTC như: Quyết định 48/QĐ-BTC, Quyết định 15/QĐ-BTC, Thông tư 60/TT-BTC, Thông tư 32/TT-BTC, Thông tư 105/2003/TT-BTC, TT 133 v.v.

Tổng hợp	Sơ đồ	Danh mục
Vốn bằng tiền		TK (QĐ 48/2006/TT-BTC)
Bán hàng		TK (QĐ 15/2006/QĐ-BTC)
Mua hàng		TK (TT 105/2003/TT-BTC)
Vật tư hàng hóa		TK (TT 55/2002/TT-BTC)
Tài sản, CCDC		TK (QĐ 1864/1998/QĐ-BTC)
Giá thành		TK (QĐ 144/2001/QĐ-BTC)
Báo cáo thuế		TK (TT 89/2002/TT-BTC)
Báo cáo tài chính	Báo cáo	
Hệ thống	<div style="border: 1px dashed gray; padding: 2px; display: inline-block;">Báo cáo tài chính theo QĐ 15/2006</div> <div style="display: inline-block; margin-left: 20px;">B/c TC theo TT 105/2003/TT-BTC</div>	
	Báo cáo tài chính theo QĐ 48/2006	B/c TC theo TT 55/2005/TT-BTC
	B/c TC theo QĐ 144/2001/QĐ-BTC	B/c TC cho DNXL theo QĐ 1864/1998/QĐ-BTC

IX. QUẢN TRỊ HỆ THỐNG

Quản lý, phân quyền sử dụng cho mỗi người dùng tương ứng với mỗi công việc được



giao, phân quyền chi tiết đến từng chức năng, từng thao tác. Khả năng bảo mật & an toàn dữ liệu cao đặc biệt với hệ thống nhiều người cùng truy cập, sử dụng và khai thác dữ liệu. Cơ chế sao lưu và khôi phục dữ liệu đơn giản, dễ thực hiện. Khai báo các tham số hệ thống thống nhất, đa dạng, linh hoạt.



PHẦN 03

PHƯƠNG PHÁP & QUY TRÌNH DỊCH VỤ BẢO HÀNH SẢN PHẨM SIS INNOVA 6.8.1 - FTAS

Dự án được coi là thành công chỉ khi DN khai thác hiệu quả được những tính năng mà chương trình cung cấp theo yêu cầu đặt đối với giải pháp. Để DN có thể khai thác tốt nhất chương trình phần mềm cũng như những thay đổi mới phù hợp với yêu cầu quản trị mới của DN thì nghiệp vụ bảo hành, bảo trì & nâng cấp phần mềm là một yêu cầu bắt buộc và cực kỳ quan trọng.

Để có một giải pháp dịch vụ tối ưu, SIS đã không ngừng cải thiện và đổi mới hình thức, nội dung cung cấp dịch vụ cho DN. Bên cạnh đó, đội ngũ phát triển sản phẩm liên tục đưa ra những dòng sản phẩm, những tính năng mới, tiện ích mới để cập nhật & nâng cấp sản phẩm không ngừng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của quản trị doanh nghiệp.



1. Nội dung thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm

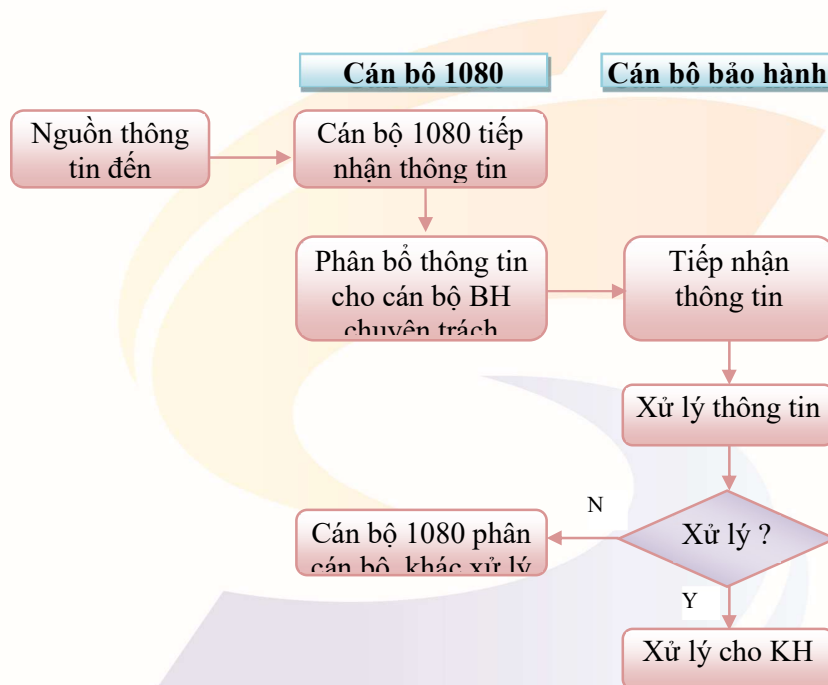




- 1.1 Cập nhật thông tư, quyết định mới nhất của Bộ Tài chính
- 1.2 Bảo hành các lỗi phát sinh
- 1.3 Tư vấn sử dụng, sao lưu & an toàn dữ liệu ...
- 1.4 Hỗ trợ cài đặt, chuyển đổi chương trình phần mềm khi khách hàng phát sinh
- 1.5 Định kỳ cán bộ Kiểm tra chất lượng dịch vụ sẽ kiểm tra tình hình sử dụng, hỗ trợ & thông báo những chính sách, sản phẩm, tính năng mới cho Quý khách hàng
- 1.6 Tổ chức để khách hàng sử dụng sản phẩm tham gia các lớp, khoá học tập trung miễn phí.
- 1.7 Cấp “Sổ bảo trì /Phiếu bảo trì” cho Khách hàng khi khách hàng ký dịch vụ bảo trì

2. Quy trình thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm

1.1 Quy trình luân chuyển thông tin Trung tâm Dịch vụ chăm sóc khách hàng:

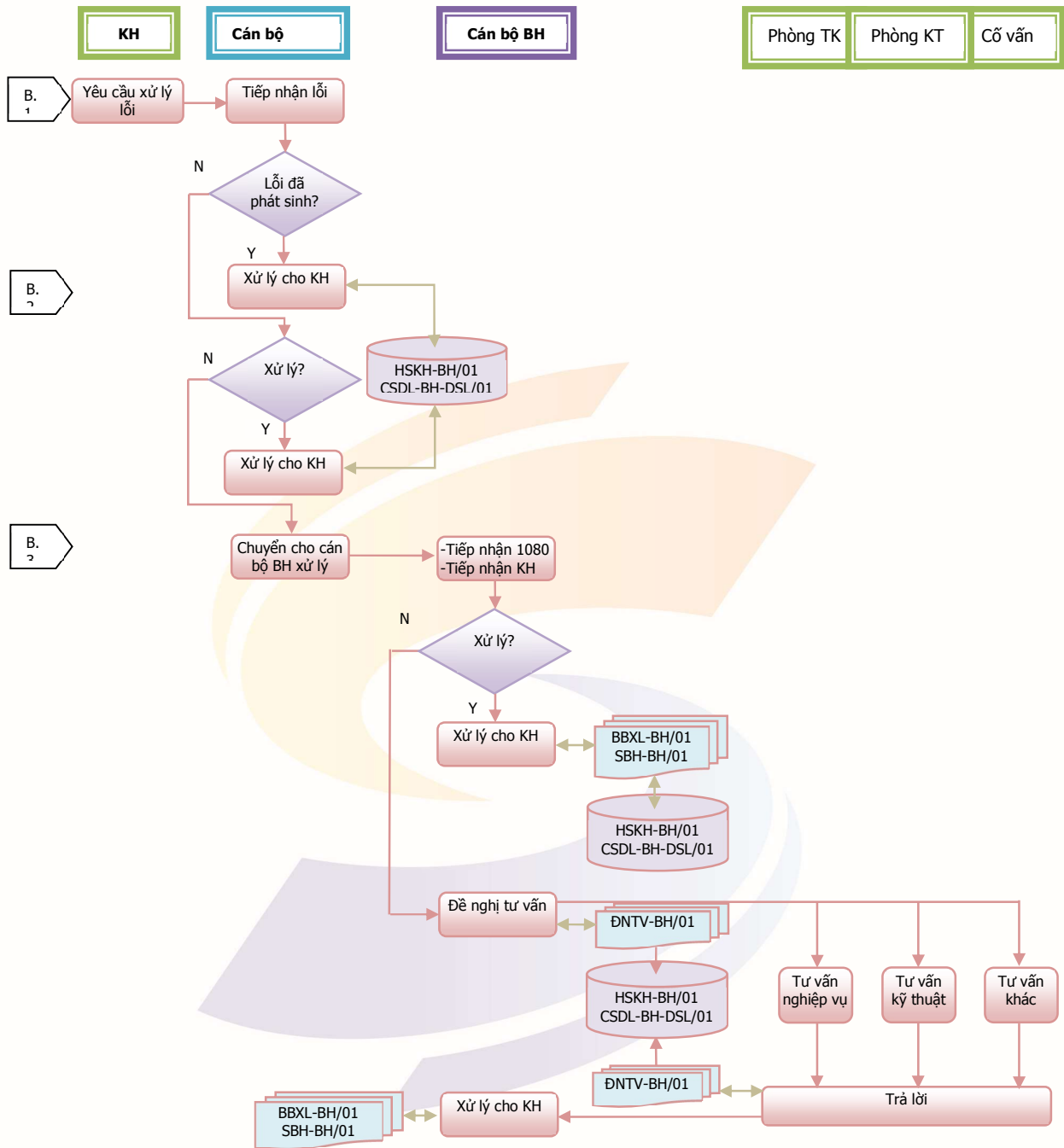


Ghi chú:

- Phân bổ thông tin cho cán bộ BH chuyên trách nghĩa là: chuyển thông tin cho cán bộ BH hiện đang phụ trách chăm sóc KH đó
- Nguồn tiếp nhận và phản hồi thông tin: có thể qua fax, email, tel, skype, thư tín
- Trường hợp cán bộ BH được phân công không xử lý được: có thể do không đủ năng lực, hoặc do không có thời gian phản hồi cách xử lý cho KH



1.2 Quy xử lý lỗi của Trung tâm Dịch vụ chăm sóc khách hàng:



Ghi chú:

- Trường hợp xử lý online cho KH, cán bộ 1080 và cán bộ BH phải vào biên bản xử lý lỗi trên lotus (trường hợp này không có sổ bảo hành)
- Trường hợp xử lý trực tiếp tại trụ sở của KH ngoài biên bản xử lý lỗi (biên bản giấy), cán bộ BH phải xác nhận vào sổ bảo hành.



- Nếu vấn đề KH đang gặp phải không phải là lỗi của phần mềm thì chỉ tư vấn cho KH hướng giải quyết

3. Phương thức thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm

Dịch vụ bảo hành chương trình phần mềm sẽ được thực hiện qua các hình thức cơ bản:

- **Bảo hành trực tiếp:** Cán bộ SIS Việt Nam sẽ tiến hành bảo hành tại chỗ khách hàng trong trường hợp các phương án bảo hành từ xa không thực hiện được.
- **Bảo hành từ xa:** Đội ngũ bảo hành SIS Việt Nam sẽ tiến hành sử dụng truy cập từ xa qua Internet (TeamViewer) để tiến hành thực hiện dịch vụ của mình
- **Ngoài ra** có thể tư vấn, hỗ trợ & bảo hành sản phẩm qua: Tel, Email, Fax, ...

Ngay khi phát sinh sự cố DN liên hệ ngay với Trung tâm chăm sóc KH của SIS Việt Nam để kịp thời xử lý (Tel, Fax, Email...). DVKH sẽ được giao cho cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm xử lý chính, thông tin SIS sẽ cung cấp, bàn giao đầy đủ để tiện trong quá trình giao dịch.

Khi cần thực hiện dịch vụ, SIS sẽ tiến hành can thiệp xử lý ngay lập tức khi sự cố phát sinh với trường hợp thực hiện dịch vụ từ xa và thời gian không quá 24 giờ nếu thực hiện dịch vụ trực tiếp tại DN với KH có khoảng cách ≤ 200 KM từ HN và không quá 48 giờ với KH có khoảng cách ≥ 200 KM

4. Thời gian thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm

- Thời gian bảo hành sản phẩm thường là 01 năm
- Không giới hạn thời gian bảo trì sản phẩm nhằm đảm bảo tính liên tục trong cả một quá trình dùng sản phẩm với quá trình phát triển của DN.

5. Quy định trách nhiệm thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm

Trung tâm dịch vụ chăm sóc khách hàng vận hành để thực hiện các chức năng nhiệm vụ chuyên trách của mình đảm bảo cung cấp tới khách hàng một dịch vụ: kịp thời, chính xác, đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao. Để đảm bảo điều này trước hết cơ cấu nhân sự có phân công công việc, trách nhiệm rõ ràng:

5.1 Phụ trách trung tâm bảo hành sản phẩm:



Chịu trách nhiệm chung hoạt động của trung tâm, kiểm soát chất lượng phục vụ khách hàng của các cán bộ trong bộ phận đảm bảo cung cấp chất lượng dịch vụ tối ưu cho khách hàng. Đồng thời đề ra các chương trình chăm sóc khách hàng, tư vấn cho khách hàng khai thác tối đa phần mềm quản trị...

5.2 Bộ phận xử lý Hotline - Online

Gồm những cán bộ nắm vững về nghiệp vụ phần mềm, sản phẩm phần mềm cũng như những kinh nghiệm, kiến thức tư vấn. Họ tiếp nhận các vấn đề từ khách hàng, phân loại & xử lý một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất có thể. Những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ, tư vấn họ sẽ là người trực tiếp xử lý cho KH. Những vấn đề nằm ngoài tầm kiểm soát mang yếu tố kỹ thuật & mất nhiều thời gian hơn thì sẽ được chuyển đến cán bộ kỹ thuật xử lý



5.3 Bộ phận kỹ thuật viên xử lý sự cố

Chịu trách nhiệm quản lý một lượng khách hàng nhất định. Họ sẽ có trách nhiệm thực hiện xử lý các sự cố tiếp nhận trực tiếp từ khách hàng hoặc những sự cố được chuyển từ bộ phận Hotline (1080)

Họ sẽ chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng với những khách hàng họ quản lý trước phụ trách phòng, KCS và công ty.

Đây là bộ phận sẵn sàng thực hiện nghiệp vụ bảo hành trực tiếp (onsite) khi cần thiết để đảm bảo tiến độ, yêu cầu công việc dịch vụ một cách tốt nhất.



5.4 Bộ phận KCS

Đây là bộ phận hoạt động đảm bảo chất lượng của toàn bộ quá trình từ trước, trong và sau khi bán hàng của SIS Việt Nam. Bộ phận này sẽ kiểm tra, kiểm soát chất lượng Sản phẩm, Dịch vụ cung cấp cho khách hàng như: Ý thức/thái độ phục vụ, Chất lượng phục vụ, Tài liệu thực hiện dịch vụ, Quy trình thực hiện dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho KH...

6. Thông tin thực hiện dịch vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm



Trung tâm chăm sóc KH, SIS Việt Nam
✚ 14/183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa, Hà Nội
✚ Tel: 04.35117785 Fax: 04.35117787
✚ **Hotline: 04.22002200**
✚ Email: support@sisvn.com



7. Nâng cấp sản phẩm

Do sự phát triển mạnh mẽ và không ngừng của công nghệ thông tin, những thay đổi trong quản lý, quy mô kinh doanh của DN mà giải pháp phần mềm cũng cần được thường xuyên nâng cấp để đảm bảo DN vẫn có hệ thống phần mềm phù hợp, tiên tiến. Do vậy, SIS VN luôn chú trọng vào phát triển sản phẩm & cung cấp cho khách hàng với chất lượng tốt nhất với các gói dịch vụ như:

- Nâng cấp sản phẩm phiên bản mới
- Nâng cấp chức năng mới
- Nâng cấp tiện ích mới
- Nâng cấp theo yêu cầu đặc thù của DN
- ...

Trân trọng cảm ơn và mong muốn được hợp tác lâu dài!



CÔNG TY CỔ PHẦN S.I.S VIỆT NAM

Số 14/183 Đặng Tiến Đông, quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: 024 3511 7785 | Fax: 024 3511 7787

Web: sis.vn | Email: sales@sis.vn

